

*Việt Yên, ngày tháng 10 năm 2025*

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh;  
Mã số doanh nghiệp: 0500448544.

Địa chỉ: Thôn Trung, Xã Ô Diên, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: “Khu đô thị mới Đông Bắc, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên” trong phạm vi đất được UBND tỉnh Bắc Giang giao đất để thực hiện dự án tại các Quyết định: Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 (đợt 1); Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 (đợt 2); Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 (đợt 3); Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 (đợt 4) .

- Tổng số công trình: 80 công trình nhà ở liền kề.

- Theo thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh được Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh phê duyệt thiết kế tại Quyết định số 258/QĐ-TQ ngày 25/8/2025.

- Do công ty cổ phần tư vấn xây dựng KITA Việt Nam lập.

+ Chủ nhiệm thiết kế: Nguyễn Văn Dũng có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00183723 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 06/02/2024.

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Phạm Huy Tùng có chứng chỉ hành nghề kiến trúc số THN-KTS00118 do Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/6/2024;

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Nguyễn Thế Vũ có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số THX-00198605 do Tổng hội xây dựng Việt Nam cấp ngày 20/01/2025.

+ Chủ trì thiết kế cơ - điện công trình: Hoàng Quốc Dương có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00183716 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 06/02/2024.

+ Chủ trì thiết kế cấp thoát nước: Quách Văn Thanh có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00046417 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/12/2020.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Nhật Việt.

+ Chủ nhiệm thẩm tra: Nguyễn Văn Hào có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số DIB-00035801 do Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên cấp ngày 13/6/2023.

+ Chủ trì thẩm tra Kiến trúc: Tống Ngọc Hiếu có chứng chỉ hành nghề hoạt

động xây dựng số HAN-02-2021-0023 do Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội cấp ngày 15/10/2021.

+ Chủ trì thẩm tra Kết cấu: Lê Hoàng Đức Anh có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00040357 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 20/02/2024.

+ Chủ trì thẩm tra Cấp thoát nước: Nguyễn Tuấn Nam có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00103459 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 22/9/2020.

+ Chủ trì thẩm tra Cấp điện: Hoàng Nhật Tân có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số NAD-00114005 do Sở Xây dựng tỉnh Nam Định cấp ngày 12/01/2024.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

- Các công trình nhà ở liền kề xây dựng trên 80 thửa đất chia thành 28 mẫu thiết kế. Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thuộc dự án: Khu đô thị mới Đông Bắc, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (nay là phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh).

+ Cốt xây dựng (+0.000) cao hơn vỉa hè trước nhà 0,15m.

+ Khoảng lùi: Tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND huyện Việt Yên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư mới Đông Bắc thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và các Quyết định điều chỉnh Quy hoạch: số 609/QĐ-UBND ngày 13/6/2018; số 1810/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; số 1239/QĐ-UBND ngày 11/11/2021; số 301/QĐ-UBND ngày 28/3/2023; số 395/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; số 1159/QĐ-UBND ngày 29/6/2025; số 868/QĐ-UBND ngày 29/6/2025.

+ Mật độ xây dựng:

Mẫu M1: 78,7%, hệ số sử dụng đất: 3,7 lần.

Mẫu M1A: 78,7%, hệ số sử dụng đất: 3,7 lần.

Mẫu M2: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M2A: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M2.1: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,7 lần.

Mẫu M3: 94,43%, hệ số sử dụng đất: 3,0 lần.

Mẫu M3.1: 87,7%, hệ số sử dụng đất 4,1 lần.

Mẫu M4: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M4A: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M5: 80%, hệ số sử dụng đất: 3,7 lần.

Mẫu M6: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M6A: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M6.1: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,7 lần.

Mẫu M7: 83,3%, hệ số sử dụng đất: 4,1 lần.

Mẫu M7A: 83,3%, hệ số sử dụng đất: 4,1 lần.

Mẫu M7.1: 83,3%, hệ số sử dụng đất: 4,0 lần.

Mẫu M8: 95,6%, hệ số sử dụng đất: 4,7 lần.

Mẫu M8A: 95,6%, hệ số sử dụng đất 4,7 lần.

Mẫu M9: 97,6%, hệ số sử dụng đất: 4,7 lần.

Mẫu M10: 80,3%, hệ số sử dụng đất: 3,7 lần.

Mẫu M11: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M11A: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,8 lần.

Mẫu M11.1: 100%, hệ số sử dụng đất: 4,7 lần.

Mẫu M12: 81,4%, hệ số sử dụng đất: 3,8 lần.

Mẫu M13: 79,9%, hệ số sử dụng đất: 3,9 lần.

Mẫu M14: 78,7%, hệ số sử dụng đất: 3,7 lần.

Mẫu M15: 80,5%, hệ số sử dụng đất: 3,3 lần.

Mẫu M15A: 80,5%, hệ số sử dụng đất: 3,3 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Xây dựng trong chỉ giới hợp pháp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo bản vẽ cấp phép được duyệt.

+ Màu sắc công trình: Hòa hòa với cảnh quan xung quanh, không được trang trí các chi tiết phản mỹ thuật.

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):

Mẫu M1 (thửa đất ký hiệu: LK2-22): 122 m<sup>2</sup>;

Mẫu M1A (thửa đất ký hiệu: LK2-23): 122 m<sup>2</sup>;

Mẫu M2 (gồm các thửa đất ký hiệu: LK2-25, LK2-43; LK3-26, LK3-29, LK3-32, LK3-35, LK3-39, LK3-42, LK3-45; LK5-02, LK5-05, LK5-08; LK5-11; LK11-02, LK11-05, LK11-08): 90 m<sup>2</sup>.

Mẫu M2A (gồm các thửa đất ký hiệu LK2-24, LK2-42; LK3-25, LK3-28, LK3-31, LK3-34, LK3-41, LK3-44; LK5-03, LK5-06; LK11-03, LK11-06): 90 m<sup>2</sup>.

Mẫu M2.1 (gồm các thửa đất ký hiệu LK3-27, LK3-30, LK3-33, LK3-36, LK3-40, LK3-43; LK5-04, LK5-07; LK11-04, LK11-07): 90 m<sup>2</sup>.

Mẫu M3 (thửa đất ký hiệu: LK2-44): 94,43m<sup>2</sup>.

Mẫu M3.1 (thửa đất ký hiệu LK5-01): 91,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M4 (gồm các thửa đất ký hiệu LK3-37, LK5-10): 90 m<sup>2</sup>.

Mẫu M4A (gồm các thửa đất ký hiệu LK3-38, LK5-09): 90 m<sup>2</sup>.

Mẫu M5 (thửa đất ký hiệu LK12-06): 124,3m<sup>2</sup>.

Mẫu M6 (gồm các thửa đất ký hiệu LK7-06, LK7-08; LK8-05, LK8-08, LK8-11, LK8-17; LK9-02): 85m<sup>2</sup>.

Mẫu M6A (gồm các thửa đất ký hiệu LK7-07, LK7-09; LK8-06, LK8-09, LK8-18): 85m<sup>2</sup>.

Mẫu M6.1 (gồm các thửa đất ký hiệu LK8-07, LK8-10): 85m<sup>2</sup>.

Mẫu M7 (gồm các thửa đất ký hiệu LK12-01, LK12-04): 104,7m<sup>2</sup>.

Mẫu M7A (gồm các thửa đất ký hiệu LK12-02; LK12-05): 104,7m<sup>2</sup>.

Mẫu M7.1 (thửa đất ký hiệu LK12-03): 105m<sup>2</sup>.

Mẫu M8 (thửa đất ký hiệu LK3-46): 90,37m<sup>2</sup>.

Mẫu M8A (thửa đất ký hiệu LK3-24): 90,37m<sup>2</sup>.

Mẫu M9 (thửa đất ký hiệu LK9-01): 90,1m<sup>2</sup>.

Mẫu M10 (thửa đất ký hiệu LK11-01): 97,36m<sup>2</sup>.

Mẫu M11 (gồm các thửa đất ký hiệu LK14-02, LK14-05): 87,2m<sup>2</sup>.

Mẫu M11A (gồm các thửa đất ký hiệu LK14-03, LK14-06): 87,2m<sup>2</sup>.

Mẫu M11.1 (thửa đất ký hiệu LK14-04): 87,2m<sup>2</sup>.

Mẫu M12 (thửa đất ký hiệu LK14-01): 85,4m<sup>2</sup>.

Mẫu M13 (thửa đất ký hiệu LK14-07): 80,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M14 (thửa đất ký hiệu LK4-01): 89,3m<sup>2</sup>.

Mẫu M15 (thửa đất ký hiệu LK4-02): 75,15m<sup>2</sup>.

Mẫu M15A (thửa đất ký hiệu LK4-03): 75,15m<sup>2</sup>.

+ Tổng diện tích sàn (bao gồm cả tầng hầm và tầng lửng):

Mẫu M1: 573,2m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 122m<sup>2</sup>; Tầng 2: 147,5m<sup>2</sup>; Tầng 3: 122m<sup>2</sup>; Tầng 4: 121,6m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,1m<sup>2</sup>.

Mẫu M1A: 573,2m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 122m<sup>2</sup>; Tầng 2: 147,5m<sup>2</sup>; Tầng 3: 122m<sup>2</sup>; Tầng 4: 121,6m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,1m<sup>2</sup>.

Mẫu M2: 430,1m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 93,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 90,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M2A: 430,1m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 93,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 90,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M2.1: 422,2m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 89,1m<sup>2</sup>; Tầng 4: 89,5m<sup>2</sup>; Tầng 5: 58,3m<sup>2</sup>.

Mẫu M3: 441,43m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 94,43m<sup>2</sup>; Tầng 2: 120,9m<sup>2</sup>; Tầng 3: 95,1m<sup>2</sup>; Tầng 4: 93,3m<sup>2</sup>; Tầng 5: 37,77m<sup>2</sup>.

Mẫu M3.1: 426,2m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 91,5m<sup>2</sup>; Tầng 2: 117,5m<sup>2</sup>; Tầng 3: 92m<sup>2</sup>; Tầng 4: 89,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 36m<sup>2</sup>.

Mẫu M4: 430,5m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,7m<sup>2</sup>; Tầng 3: 93,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 90,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M4A: 430,5m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,7m<sup>2</sup>; Tầng 3: 93,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 90,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M5: 571,8m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 124,3m<sup>2</sup>; Tầng 2: 150,2m<sup>2</sup>; Tầng 3: 123,8m<sup>2</sup>; Tầng 4: 121m<sup>2</sup>; Tầng 5: 52,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M6: 405,9m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 85m<sup>2</sup>; Tầng 2: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 87m<sup>2</sup>; Tầng 4: 85,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 58,4m<sup>2</sup>.

Mẫu M6A: 405,9m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 85m<sup>2</sup>; Tầng 2: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 87m<sup>2</sup>; Tầng 4: 85,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 58,4m<sup>2</sup>.

Mẫu M6.1: 400m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 85m<sup>2</sup>; Tầng 2: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 3: 84,2m<sup>2</sup>; Tầng 4: 84,6m<sup>2</sup>; Tầng 5: 55,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M7: 512,7m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 104,7m<sup>2</sup>; Tầng 2: 119,2m<sup>2</sup>; Tầng 3: 115,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 112m<sup>2</sup>; Tầng 5: 61,1m<sup>2</sup>.

Mẫu M7A: 512,7m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 104,7m<sup>2</sup>; Tầng 2: 119,2m<sup>2</sup>; Tầng 3: 115,7m<sup>2</sup>; Tầng 4: 112m<sup>2</sup>; Tầng 5: 61,1m<sup>2</sup>.

Mẫu M7.1: 500,9m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 105m<sup>2</sup>; Tầng 2: 119,1m<sup>2</sup>; Tầng 3: 110m<sup>2</sup>; Tầng 4: 110m<sup>2</sup>; Tầng 5: 56,8m<sup>2</sup>.

Mẫu M8: 442,67m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90,37m<sup>2</sup>; Tầng 2: 116,4m<sup>2</sup>; Tầng 3: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 4: 89,8m<sup>2</sup>; Tầng 5: 55,8m<sup>2</sup>.

Mẫu M8A: 443,27m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90,37m<sup>2</sup>; Tầng 2: 117m<sup>2</sup>; Tầng 3: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 4: 89,8m<sup>2</sup>; Tầng 5: 55,8m<sup>2</sup>.

Mẫu M9: 430,2m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 90,1m<sup>2</sup>; Tầng 2: 95,8m<sup>2</sup>; Tầng 3: 92,1m<sup>2</sup>; Tầng 4: 90,3m<sup>2</sup>; Tầng 5: 61,9m<sup>2</sup>.

Mẫu M10: 449,66m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 97,36m<sup>2</sup>; Tầng 2: 122,4m<sup>2</sup>; Tầng 3: 97,3m<sup>2</sup>; Tầng 4: 95,4m<sup>2</sup>; Tầng 5: 37,2m<sup>2</sup>.

Mẫu M11: 418,6m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 87,2m<sup>2</sup>; Tầng 2: 92,6m<sup>2</sup>; Tầng 3: 90,9m<sup>2</sup>; Tầng 4: 87,4m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M11A: 418,6m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 87,2m<sup>2</sup>; Tầng 2: 92,6m<sup>2</sup>; Tầng 3: 90,9m<sup>2</sup>; Tầng 4: 87,4m<sup>2</sup>; Tầng 5: 60,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M11.1: 410,8m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 87,2m<sup>2</sup>; Tầng 2: 92,6m<sup>2</sup>; Tầng 3: 86,3m<sup>2</sup>; Tầng 4: 86,7m<sup>2</sup>; Tầng 5: 58m<sup>2</sup>.

Mẫu M12: 400,6m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 85,4m<sup>2</sup>; Tầng 2: 108,1m<sup>2</sup>; Tầng 3: 86,1m<sup>2</sup>; Tầng 4: 83,5m<sup>2</sup>; Tầng 5: 37,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M13: 395,4m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 80,9m<sup>2</sup>; Tầng 2: 108,8m<sup>2</sup>; Tầng 3: 85m<sup>2</sup>; Tầng 4: 83,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 37,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M14: 418,4m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 89,3m<sup>2</sup>; Tầng 2: 113,4m<sup>2</sup>; Tầng 3: 90m<sup>2</sup>; Tầng 4: 88,2m<sup>2</sup>; Tầng 5: 37,5m<sup>2</sup>.

Mẫu M15: 356,55m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 75,15m<sup>2</sup>; Tầng 2: 81m<sup>2</sup>; Tầng 3: 79m<sup>2</sup>; Tầng 4: 75,4m<sup>2</sup>; Tầng 5: 46m<sup>2</sup>.

Mẫu M15A: 356,55m<sup>2</sup> trong đó Tầng 1: 75,15m<sup>2</sup>; Tầng 2: 81m<sup>2</sup>; Tầng 3: 79m<sup>2</sup>; Tầng 4: 75,4m<sup>2</sup>; Tầng 5: 46m<sup>2</sup>.

+ Tổng chiều cao công trình: 18,95m (tính từ cốt +0.000) trong đó: Tầng 1 cao: 3,9m; Tầng 2 cao: 3,6m; Tầng 3 cao: 3,6m; Tầng 4 cao: 3,6m; Tầng 5 cao: 3,6m, tường mái cao: 0,65m.

+ Số tầng: 5 tầng.

+ Ban công, ô văng, mái che mặt trước nhà được phép đưa ra tối đa 1,2m so với chỉ giới xây dựng và không được phép che chắn, tạo phòng (hoặc lô gia).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 (đợt 1); Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 (đợt 2); Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 (đợt 3); Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 (đợt 4) của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao đất cho Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh để thực hiện dự án “Khu đô thị mới Đông Bắc, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên”.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

Công trình đề nghị cấp phép xây dựng chưa khởi công.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư có tên tại mục 1 (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Trung tâm hành chính công;
- Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công (t/b);
- Ban Biên tập Công Thông tin điện tử phường (đ/t);
- Tổ trưởng TDP: Đông và Trung;
- LĐVP, CVTH, CV Lý;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Mạnh Xâm**

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

- 1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
- 2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- 3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
- 4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- 5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 của Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..... 2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*